

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM

Số: 539.../GT-DAP

V/v: giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN
trên BCTC quý II/2024 so với cùng kỳ năm trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Phòng, ngày 15 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ báo cáo tài chính quý II/2024, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN quý II/2024 so với cùng kỳ năm trước (quý II/2023) như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) - (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý II/2024 (1)	Quý II/2023 (2)		
Báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả hoạt động SXKD)	64.001.910.370	885.066.325	63.116.844.045	7131,31%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý II/2024	Quý II/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)	(%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	941.203.950.814	825.443.357.488	115.760.593.326	14,02%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.994.739.020	11.041.198.836	(6.046.459.816)	-54,76%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	936.209.211.794	814.402.158.652	121.807.053.142	14,96%
4	Giá vốn hàng bán	825.878.557.389	779.364.573.681	46.513.983.708	5,97%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.330.654.405	35.037.584.971	75.293.069.434	214,89%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	17.269.314.812	7.036.317.056	10.232.997.756	145,43%
7	Chi phí tài chính	905.094.506	1.869.865.698	(964.771.192)	-51,60%
8	Chi phí bán hàng	18.868.750.608	16.284.579.052	2.584.171.556	15,87%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.531.524.274	20.276.321.160	7.255.203.114	35,78%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	80.294.599.829	3.643.136.117	76.651.463.712	2104,00%
11	Thu nhập khác	17.748.149	64.189.714	(46.441.565)	-72,35%
12	Chi phí khác	1.741.421	2.077.289.063	(2.075.547.642)	-99,92%
13	Lợi nhuận khác	16.006.728	(2.013.099.349)	2.029.106.077	-100,80%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.310.606.557	1.630.036.768	78.680.569.789	4826,92%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.308.696.187	744.970.443	15.563.725.744	2089,17%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	64.001.910.370	885.066.325	63.116.844.045	7131,31%

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN quý II/2024 lãi với số tiền 64.002 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước với số tiền 63.117 trđ, tương ứng với tỷ lệ tăng 7.131,31% là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này là 941.204 trđ, tăng với số tiền 115.760 trđ, tương ứng với tỷ lệ tăng 14,0%. Doanh thu tăng do sản lượng tiêu thụ tăng (quý II/2024, sản lượng DAP tiêu thụ là 72.002 tấn, tăng 5.028 tấn, tương ứng với tỷ lệ tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước). Ngoài ra, kỳ này phát sinh một số khoản doanh thu từ việc bán Axit, NH3.

- Các khoản giảm trừ doanh thu kỳ này là 4.994 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 6.046 trđ, do kỳ này chủ yếu là hàng xuất khẩu không phát sinh chiết khấu thương mại.

- Giá vốn hàng bán kỳ này là 825.878 trđ, tăng 46.514 trđ so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán tăng do lượng tiêu thụ tăng như phân tích ở trên.

- Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này là 17.269 trđ, tăng 10.233 trđ so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do phát sinh thu nhập từ lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chi phí tài chính kỳ này là 905 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước là 964 trđ. Chi phí tài chính giảm chủ yếu là giảm chiết khấu thanh toán và giảm lãi tiền vay.

- Chi phí bán hàng kỳ này là 18.868 trđ, tăng 15,87% so với cùng kỳ năm trước do tăng một số khoản chi phí liên quan đến công tác tiêu thụ sản phẩm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này là 27.531 trđ, tăng 7.255 trđ, tương ứng với tỷ lệ tăng 35,78% so với cùng kỳ năm trước do phát sinh một số khoản chi phí dịch vụ mua ngoài và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Như vậy, quý II/2024 tổng doanh thu và chi phí đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do tỷ lệ tăng doanh thu cao hơn chi phí nên lợi nhuận sau thuế quý II/2024 tăng hơn so với quý II/2023 là 63.117 trđ.

Trên đây là các ý kiến giải trình của Công ty về sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC quý II/2024 so với cùng kỳ năm trước. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTTC; TCHC.

